

Nghiên cứu cơ chế tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập tại Việt Nam

Bùi Bá Hiếu*

*ThS. TĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 9/10/2024; Accepted: 18/10/2024; Published: 28/10/2024

Abstract: *Autonomy is an inevitable trend to promote the development of higher education and is the way to transform the management mechanism of the higher education system from a state-run model to a state-supervised model. University autonomy focuses on four main aspects: (i) Academics; (ii) Human resources; (iii) Finance; (iv) Organizational management; and financial autonomy is the factor that plays the most important role. The implementation of the mechanism of financial autonomy and self-responsibility for universities according to regulations has created conditions for universities to be proactive in organizing professional activities and integrating management and use of financial resources with quality and operational efficiency. Granting full autonomy in a clearly defined relationship of rights and obligations to public universities is a strategic solution and a measure of the Government's management level and innovation for sustainable development and improving the quality of higher education and training in Vietnam. Accordingly, universities have had the opportunity to mobilize financial resources, contributing to improving the quality of performing professional tasks and increasing income for lecturers and employees of the university.*

Keywords: *autonomy, finance, university*

1. Đặt vấn đề

Tự chủ đại học (TCDH) là khái niệm phản ánh mối tương quan giữa nhà nước và cơ sở đào tạo đại học theo hướng phát huy năng lực nội tại của các cơ sở đào tạo và giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của cơ quan công quyền. Thời gian vừa qua ở Việt Nam, TCDH đã và đang được thể chế và hiện thực hóa từng phần nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển nhân lực trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Trong bối cảnh hội nhập, với xu hướng TCDH trên thế giới ngày càng mở rộng thì vấn đề cấp bách hiện nay là Việt Nam phải có những giải pháp thiết thực để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) và việc quản trị đại học cần phải có những cải cách thực chất hơn nữa. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đối với TCDH. Quyền tự chủ của trường đại học (TĐH) được ghi nhận từ năm 2005 trong Luật Giáo dục với các nội dung tự chủ tương tự như ở các nước phát triển. Hiện nay, mạng lưới các cơ sở GDĐH Việt Nam đã bước đầu đáp ứng được yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và nhu cầu học tập của nhân dân.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (TCTC) GDĐH

Để sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đồng thời vận động các nguồn lực của xã hội cho phát triển GDĐH. Việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ sở GDĐH công lập đã tạo cơ hội cho các cơ sở GDĐH công lập, nâng cao tính tích cực chủ động, sáng tạo trong quản lý tài chính và tài sản của đơn vị, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) được giao tiết kiệm, hiệu quả.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đối với TCDH. Theo đó, đến năm 2018, trên cả nước, có 23 TĐH thí điểm áp dụng TCTC 100%, hầu hết là những trường về kinh tế, xã hội, nhân văn, kỹ thuật, công nghệ.

Thực tiễn cho thấy, thực hiện cơ chế TCTC đã thúc đẩy các TĐH công lập chủ động trong tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo nhu cầu của xã hội, tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp để tạo ra các giá trị thực tiễn thông qua việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

Xét về quy mô nguồn tài chính: Kết quả khảo sát cho thấy, các TĐH công lập ở các thành phố lớn, vị trí địa lý thuận lợi, có thương hiệu và đang thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động như: TĐH Công nghiệp Hà Nội, TĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh có quy mô nguồn thu sự nghiệp lớn, khoảng 700 tỷ đồng/năm và tăng trưởng qua các năm.

Hơn nữa, tốc độ tăng trưởng nguồn thu sự nghiệp của các trường này cao hơn so với trước khi thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động. Đây là cơ sở để các trường tăng cường cơ sở vật chất, tăng thu nhập cho đội ngũ viên chức và người lao động, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, đối với các trường tự chủ một phần chi thường xuyên có quy mô nguồn tài chính còn nhỏ, dưới 100 tỷ đồng/năm và quy mô nguồn tài chính qua các năm tăng trưởng không đáng kể, thậm chí có năm giảm.

Cơ cấu nguồn tài chính của các trường hiện nay chủ yếu từ ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp; nguồn viện trợ, tài trợ và nguồn thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Đối với các trường thực hiện tự chủ chi thường xuyên và đầu tư, ngân sách nhà nước cấp chiếm tỷ trọng nhỏ, chủ yếu nguồn thu sự nghiệp chiếm tỷ trọng rất lớn, trên 90% tổng thu. Đối với các trường tự chủ một phần chi thường xuyên, ngân sách nhà nước cấp chiếm tỷ trọng lớn từ 49,0% đến 58,5%, nguồn thu sự nghiệp chiếm từ 41,5% đến 51,0% tổng thu.

Thực hiện cơ chế TCTC có tác động tích cực đến việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài chính. Phần lớn các trường đã đảm bảo tương đối tốt hoạt động chi thường xuyên, đồng thời thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người học thông qua việc miễn, giảm học phí cho các đối tượng chính sách, trích học bổng khuyến khích theo quy định và có chênh lệch thu lớn hơn chi, thu nhập bình quân của người lao động tăng lên so với giai đoạn trước...

Tuy nhiên, thực hiện cơ chế TCTC tại các TĐH công lập Việt Nam vẫn còn một số tồn tại bất cập, hạn chế cần tháo gỡ như:

Một là, cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho các TĐH công lập còn mang tính bình quân, chủ yếu căn cứ theo mức độ tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên mà chưa gắn với chất lượng sản phẩm đầu ra, hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của từng trường. Mặt khác, cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước chưa thực sự trở thành công cụ điều tiết quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo gắn với sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.

Hai là, chính sách học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ chưa bảo đảm tính đủ chi phí đào tạo cần thiết, đặc thù đào tạo của từng ngành, nghề cũng như chưa gắn với yêu cầu chất lượng sản phẩm đầu ra và thương hiệu của từng trường.

Ba là, nguồn thu sự nghiệp của các TĐH công lập phụ thuộc chủ yếu vào nguồn thu học phí. Trong khi, nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Nguồn thu từ tài trợ, viện trợ... của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế đối với nhiều trường. Ngoài ra, nguồn thu sự nghiệp của một số trường ở địa phương do điều kiện kinh tế - xã hội phát triển chưa cao đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nên việc huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước gặp khó khăn, quy mô nguồn thu nhỏ và chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước cấp.

Bốn là, trong cơ cấu chi của các TĐH công lập, nguồn tài chính chi cho đầu tư cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên.

Năm là, cơ sở pháp lý về TCTC thiếu đồng bộ, một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn, thiếu tính cụ thể, rõ ràng dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện...

Cơ chế tự chủ về tài chính đã có tác động tích cực đến nhiều khía cạnh của các TĐH công lập, đặc biệt là nguồn thu, việc sử dụng nguồn lực tài chính, thu nhập. Tổng nguồn thu của các trường có xu hướng tăng lên qua các năm, tuy nhiên cơ cấu nguồn thu chưa có sự thay đổi nhiều giữa giai đoạn trước và sau khi thực hiện tự chủ. Thu sự nghiệp (chủ yếu là thu từ học phí và lệ phí) vẫn chiếm tỷ trọng lớn (trên 70%) và còn phụ thuộc nhiều vào quy mô đào tạo và mức tăng học phí. Thu từ dịch vụ, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp đồng tư vấn... vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm trong cơ cấu nguồn thu. Nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) cấp cho các trường chủ yếu là nguồn kinh phí cho các dự án đang triển khai từ trước khi tự chủ, hỗ trợ miễn, giảm học phí đối với sinh viên thuộc đối tượng chính sách.

Số liệu khảo sát cho thấy, trung bình trên 70% nguồn thu của các trường là từ thu sự nghiệp.

Việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ sở giáo dục ĐHCĐ đã mở ra, tạo cơ hội cho các cơ sở giáo dục ĐHCĐ nâng cao tính tích cực chủ động, sáng tạo trong quản lý tài chính và tài sản của đơn vị, sử dụng NSNN được giao tiết kiệm, hiệu quả hơn.

Khi thực hiện chế độ giao, khoán mức chi như điện thoại, văn phòng, công tác phí... sẽ giảm đáng

kê chứng từ, hóa đơn, các đơn vị sử dụng tiết kiệm các nguồn kinh phí để từ đó góp phần vào việc tăng thu nhập cho giảng viên và công nhân viên.

Thực tế cho thấy, nguồn tăng thu của các TĐH hiện nay vẫn là tăng quy mô đào tạo chưa huy động được các nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ chuyên giao khoa học công nghệ và dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo theo hợp đồng cho các tổ chức và cá nhân trong nước...

Một số TĐH được tự chủ về mức chi nhưng tự chủ về thu chưa tương xứng, dẫn tới hiệu quả của việc thực hiện tự chủ không hơn là bao so với không tự chủ. Trong thời gian dài, do bị khống chế về trần học phí, mức trần học phí thường thấp, thu không đủ chi, cho nên một số cơ sở giáo dục ĐHCĐ xé rào, ban hành nhiều khoản thu ngoài quy định, dẫn đến thiếu công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn thu.

Việc duy trì mức học phí thấp dẫn đến các cơ sở giáo dục ĐHCĐ không có đủ nguồn để cải thiện thu nhập cho giảng viên từ nguồn học phí chính quy, không thu hút và giữ được những giảng viên có trình độ tham gia giảng dạy. Để có nguồn bổ sung thu nhập, các trường phải khai thác từ các hoạt động đào tạo không chính quy, dẫn đến thời gian đứng lớp của giảng viên đại học phần lớn bị quá tải.

2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả TCTC ở các TĐH công lập ở Việt Nam

Một là, tiếp tục hoàn thiện các khung văn bản pháp lý, chính sách của Nhà nước về tự chủ ở TĐH. Các bộ, ngành sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, các tiêu chí đánh giá mức độ và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị được giao tự chủ nhằm tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các tiêu chuẩn, định mức và mở rộng lĩnh vực giao quyền tự chủ cho các đơn vị; sửa đổi chính sách phí, lệ phí cho phù hợp với điều kiện thực tế. Tự chủ trong các cơ sở GDĐH công lập đã được quy định, nhưng cần được trao quyền đồng bộ về tự chủ tuyển sinh, chuyên môn, học thuật, tổ chức bộ máy và nhân sự, về học phí, về cơ chế tạo nguồn và sử dụng nguồn kinh phí cùng với TCTC.

Hai là, tạo điều kiện linh hoạt để các TĐH xây dựng khung học phí đào tạo. Các TĐH công lập được phép tính đủ chi phí tiền lương và chi phí hoạt động thường xuyên trong giá dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở khung giá do Nhà nước quy định, chi phí khấu hao tài sản cố định trong học phí của cơ

sở GDĐH công lập, đảm bảo nguyên tắc lấy thu đủ bù đắp chi phí đào tạo trong học phí. Nhà nước sẽ thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số, người ở vùng sâu, vùng xa về mức học phí... tạo điều kiện cho mọi người đều được tiếp cận GDĐH.

Ba là, các TĐH công lập cần tiếp tục chủ động trong triển khai kế hoạch tài chính và thực hiện các quy chế về tài chính. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ mang tính chi tiết, đảm bảo tính công khai, dân chủ và công bằng; xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của từng người lao động. Trong đó, chú trọng giải pháp chi trả thu nhập theo hiệu quả công việc, khuyến khích, hấp dẫn, thu hút người có năng lực, có trình độ. Đặc biệt là phải xây dựng được chiến lược tài chính hợp lý cho đầu tư cơ sở vật chất trong ngắn hạn và dài hạn; Coi trọng và tích cực tìm kiếm, thu hút nguồn lực tài chính từ các nguồn dự án, nguồn vốn viện trợ nước ngoài.

3. Kết luận

Sự phát triển của các TĐH công lập Việt Nam hiện nay chịu sự chi phối trực tiếp bởi cơ chế, chính sách và các ưu đãi mà Chính phủ trao cho. Thực hiện TCTC ở các trường ĐHCĐ phải được hiểu và triển khai đầy đủ trong mối quan hệ xác định rõ quyền và nghĩa vụ là giải pháp chiến lược thể hiện quan điểm, tầm nhìn một cách khoa học và thực tế; là thước đo trình độ quản lý, sự đổi mới của chính phủ đối với sự nghiệp phát triển bền vững và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nói chung và GDĐH nói riêng của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1]. Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với một số cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014-2017*, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ giai đoạn 2014 – 2017; Hội nghị Tổng kết thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập*, Hà Nội.

[3]. Chính phủ, *các nghị định: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015*, Hà Nội.

[4]. Bộ Tài chính (2011), *Đánh giá tình hình thực hiện TCTC và định hướng đổi mới cơ chế tài chính đối với các trường ĐHCĐ giai đoạn 2012 – 2020*, Hà Nội.